

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 202/2022/DS-ST
Ngày: 04 - 7 - 2022
V/v Tranh chấp Hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Trần Thúy Duyên

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Võ Thành Viên

Bà Lê Thị Chí

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Thảo Nguyên - Thư ký Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh: Bà Lê Thị Thu Phụng - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 28/6/2022 và 04/7/2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 34/2020/TLST- DS ngày 20 tháng 01 năm 2020 về “Tranh chấp Hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 110/2022/QĐXXST-DS ngày 12/4/2022 và các Quyết định hoãn phiên tòa số 109/2022/QĐST-DS ngày 10/5/2022, số 159/2022/QĐST-DS ngày 09/6/2022 giữa các đương sự:

1/ *Nguyên đơn:* Ngân hàng TMCP K; địa chỉ trụ sở: Số 191 Phố B, phường L, quận H, Thành phố Hà Nội; địa chỉ liên lạc: Tầng 15, số 09 - 11 đường T, phường B, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Không Thị Minh N, sinh năm 1985; địa chỉ: Tầng 15, số 9 - 11 đường T, phường B, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh (văn bản ủy quyền số 0444-02/2020/UQ-TCB ngày 14/5/2020).(có mặt)

2/ Bị đơn:

- Ông Trần Tiến D, sinh năm 1960 (vắng mặt)

- Bà Nguyễn Thị X, sinh năm 1964 (có mặt)

Cùng địa chỉ: Số 975/14 (số cũ 88/564A) đường N, Phường B, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

3/ *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Công ty cổ phần Đ; địa chỉ trụ sở: Số 400/5 đường U, Phường H, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Phan Kim T, sinh năm 1976; địa chỉ: Số 400/5 đường U, Phường H, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh (văn bản ủy quyền số 02/CIC8-UQ-TK ngày 05/3/2020).(có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 09/5/2019 và trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Khổng Thị Minh N trình bày:

Ngày 30/12/2011 giữa Ngân hàng TMCP K (sau đây gọi tắt là Ngân hàng) và ông Trần Tiến D, bà Nguyễn Thị X có ký Hợp đồng tín dụng trung, dài hạn số 0190/HĐTD/TH-TN/TCB-LTR, sau đó các bên tiếp tục ký khế ước nhận nợ số 0190 ngày 12/01/2012 với nội dung như sau: Số tiền vay 300.000.000 (ba trăm triệu) đồng, mục đích vay mua bất động sản, thời hạn vay 156 tháng (từ ngày 12/01/2012 đến 12/01/2025), lãi suất vay tính từ ngày giải ngân đến ngày 31/3/2012 là 22,5%/năm và được điều chỉnh 3 tháng/lần, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn, theo hợp đồng Ngân hàng đã giải ngân số tiền trên cho bên vay.

Tài sản đảm bảo cho khoản vay trên là quyền và lợi ích phát sinh từ tài sản hiện tại, tương lai của Căn hộ số A02, Block A, tầng 2 thuộc dự án Cao ốc Xanh, đường Nam Hòa, P. Phước Long A (do có sự nhầm về lỗi chính tả nên trong Hợp đồng mua bán căn hộ và Hợp đồng thế chấp ghi căn hộ nêu trên thuộc P. Phước Long B, theo công văn số 114102/2021/CV-TCB ngày 14/12/2021 Công ty cổ phần Đ và kết quả xác minh ngày 01/12/2021 tại Ủy ban nhân dân P. Phước Long A đều xác định dự án trên thuộc P. Phước Long A), thành phố Thủ Đức, TP.HCM theo Hợp đồng thế chấp tài sản hình thành trong tương lai số 0190/HĐTC-TSTL/TCB ngày 10/01/2012 được ký giữa Ngân hàng và ông D, bà X; công chứng tại Văn phòng công chứng Chợ Lớn, TP. Hồ Chí Minh và đăng ký giao dịch bảo đảm tại Trung tâm đăng ký giao dịch, tài sản tại Đà Nẵng ngày 11/01/2012.

Quá trình thực hiện hợp đồng ông D, bà X vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo Hợp đồng tín dụng và khế ước nhận nợ đã ký. Ngân hàng đã nhiều lần nhắc nhở nhưng ông bà cố tình trốn tránh, không hợp tác nên ngày 22/7/2016 Ngân hàng đã chuyển dư nợ gốc trong hạn còn thiếu sang nợ quá hạn. Tính đến ngày 28/6/2022 ông D, bà X còn nợ tổng cộng 391.843.236 đồng, trong đó bao gồm nợ gốc 153.843.560 đồng, nợ lãi 237.999.676 đồng.

Nay nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết:

Buộc bị đơn là ông Trần Tiến D, bà Nguyễn Thị X phải thanh toán một lần toàn bộ nợ gốc và lãi nêu trên cho Ngân hàng ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật; yêu cầu bị đơn tiếp tục chịu tiền lãi quá hạn phát sinh kể từ ngày 29/6/2022 theo mức lãi suất do các bên thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng và khế ước nhận nợ đã ký cho đến khi thanh toán xong nợ.

Trường hợp bị đơn không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ, Ngân hàng đề nghị được phát mãi tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp trên để thu hồi nợ, toàn bộ số tiền thu được từ việc xử lý tài sản bảo đảm được dùng để thanh toán nghĩa vụ trả nợ của bị đơn đối với Ngân hàng. Nếu số

tiền thu được từ xử lý tài sản bảo đảm không đủ thanh toán hết khoản nợ thì bị đơn vẫn phải có nghĩa vụ thanh toán tiếp phần còn lại cho đến khi hết nợ.

Bị đơn ông Trần Tiến D trình bày tại bản tự khai ngày 10/3/2020 và biên bản hòa giải ngày 18/6/2020:

Ông thống nhất như trình bày của đại diện nguyên đơn về việc các bên đã ký Hợp đồng tín dụng, kế ước nhận nợ và Hợp đồng thế chấp nhưng đây là khoản tiền ông vay hộ cho Công ty cổ phần Đ. Ông đề nghị Ngân hàng miễn nợ lãi, còn nợ gốc ông sẽ đôn đốc Công ty trả cho Ngân hàng trong thời gian 03 tháng.

Bị đơn bà Nguyễn Thị X trình bày:

Bà thống nhất về việc vợ chồng bà ký Hợp đồng tín dụng, kế ước nhận nợ và Hợp đồng thế chấp cũng như số tiền gốc lãi hiện vợ chồng bà còn nợ của Ngân hàng như đại diện nguyên đơn trình bày trên nhưng vợ chồng bà không có khả năng trả ngay, bà đề nghị Ngân hàng không trả lãi, còn nợ gốc vợ chồng bà sẽ trả dần trong thời gian 12 tháng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà T trình bày:

Bà thống nhất như ông D trình bày. Số tiền vợ chồng ông D, bà X vay của Ngân hàng thực tế là vay hộ cho Công ty cổ phần Đ, đồng thời bà cũng thống nhất số tiền nợ vợ chồng ông D còn phải trả cho Ngân hàng tính đến ngày 28/6/2022 như đại diện nguyên đơn trình bày. Nay Công ty cam kết thực hiện nghĩa vụ trả khoản nợ trên cho Ngân hàng thay vợ chồng ông D nhưng hiện Công ty đang rất khó khăn về tài chính nên đề nghị Ngân hàng giảm $\frac{1}{2}$ số tiền nợ lãi, số tiền nợ còn lại Công ty sẽ trả dứt điểm từ nay đến cuối năm 2022.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng, đầy đủ trình tự thủ tục tố tụng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bị đơn chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng:*

Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền của Tòa án:

Nguyên đơn khởi kiện bị đơn thanh toán khoản nợ theo Hợp đồng tín dụng, kế ước nhận nợ đã ký kết được quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

Bị đơn là ông Trần Tiến D, bà Nguyễn Thị X cư trú tại quận Gò Vấp. Do đó, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về người tham gia tố tụng:

Bị đơn ông Trần Tiến D đã được Toà án triệu tập hợp lệ lần thứ hai vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Do đó, căn cứ vào khoản 2 Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Xét các yêu cầu của nguyên đơn:

2.1 Đối với yêu cầu thanh toán nợ gốc, lãi:

Căn cứ vào lời khai xác nhận của các bên đương sự và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án Hội đồng xét xử đã có đủ cơ sở để khẳng định Hợp đồng tín dụng số 0190/HĐTD/TH-TN/TCB-LTR ngày 30/12/2011, khế ước nhận nợ số 0190 ngày 12/01/2012 do bị đơn ông Trần Tiến D và bà Nguyễn Thị X ký với Ngân hàng TMCP K là Hợp đồng vay tài sản, có biện pháp bảo đảm thế chấp tài sản là quyền tài sản phát sinh từ Hợp đồng mua bán căn hộ hình thành trong tương lai đối với căn hộ số A02, block A, tầng 02 thuộc dự án Cao ốc Xanh, đường Nam Hòa, P. Phước Long A, thành phố Thủ Đức, TP.HCM. Tính đến ngày 28/6/2022 bị đơn còn nợ Ngân hàng số tiền gốc là 153.843.560 đồng, mặc dù Ngân hàng nhiều lần nhắc nhở nhưng bị đơn vẫn không thanh toán nên yêu cầu đòi nợ gốc của nguyên đơn là có cơ sở.

Theo Hợp đồng tín dụng và khế ước nhận nợ đã ký, bị đơn có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng nợ gốc và lãi trong hạn nhưng do bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo quy định tại Điều 2 của phụ lục lịch trả nợ số 0190 (kèm theo hợp đồng ngày 12/01/2012) nên ngày 22/7/2016 Ngân hàng đã chuyển dư nợ gốc trong hạn còn thiếu của bị đơn sang nợ quá hạn, tính lãi suất nợ quá hạn theo quy định tại Điều 5 của Hợp đồng tín dụng; tiền lãi quá hạn tính đến ngày 28/6/2022 là 237.999.676 đồng theo bảng tổng hợp gốc, lãi của Ngân hàng là phù hợp với quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận.

Về phía bị đơn ông D và người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà T thống nhất số tiền vợ chồng bị đơn ông D, bà X vay của Ngân hàng thực tế là vay hộ cho Công ty cổ phần Đ, bà Tuyến đề nghị Công ty được trả thay số tiền bị đơn còn nợ cho Ngân hàng. Tại phiên tòa bị đơn bà X thống nhất số tiền nợ tính đến hiện nay như đại diện nguyên đơn trình bày nhưng vì điều kiện khó khăn nên đề nghị được trả dần nợ gốc trong thời hạn 12 tháng và xin không trả tiền lãi nhưng không được phía nguyên đơn đồng ý. Xét, trong quá trình giải quyết vụ án mặc dù bà T nhiều lần đề nghị như trên nhưng vẫn không thực hiện việc trả nợ cho Ngân hàng thay bị đơn, đồng thời để đảm bảo quyền lợi cho nguyên đơn Hội đồng xét xử nhận thấy yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn phải thanh toán toàn bộ số tiền còn nợ là phù hợp với quy định của pháp luật.

Xét thấy, việc các bên ký kết Hợp đồng tín dụng, khế ước nhận nợ theo các điều khoản thỏa thuận trong hợp đồng và khế ước là hoàn toàn tự nguyện nhưng bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán, không thực hiện đúng như thỏa thuận giữa các bên. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào các điều 471, 474 Bộ luật Dân sự năm 2005 và các điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn có nghĩa vụ phải thanh toán cho nguyên đơn tổng số tiền 391.843.236 đồng, trong đó bao gồm nợ gốc

153.843.560 đồng, nợ lãi 237.999.676 đồng.

2.2 Về thời hạn thực hiện nghĩa vụ thanh toán: Theo quy định tại khoản 1 Điều 474 của Bộ luật dân sự năm 2005: “*Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn...*”. Xét Hợp đồng tín dụng trên đã quá thời hạn thanh toán, bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ quy định trong hợp đồng nên cần buộc bị đơn phải có nghĩa vụ thanh toán cho nguyên đơn toàn bộ số tiền còn nợ trên ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Ngay khi bị đơn thanh toán xong hết nợ, nguyên đơn phải có trách nhiệm trả lại cho bị đơn bản chính Hợp đồng mua bán căn hộ hình thành trong tương lai số 571/CIC8-HĐMBCH-COX ngày 26/10/2011 theo Hợp đồng thế chấp tài sản hình thành trong tương lai số 0190/HĐTC-TSTL/TCB ngày 10/01/2012.

2.3 Đối với yêu cầu phải tiếp tục chịu tiền lãi quá hạn phát sinh từ ngày 29/6/2022 cho đến khi bị đơn thanh toán xong nợ theo mức lãi suất được các bên thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng, khế ước nhận nợ đã ký. Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu này của nguyên đơn là phù hợp với thỏa thuận của hai bên và phù hợp với quy định của pháp luật nên có cơ sở để chấp nhận.

2.4 Về yêu cầu xử lý tài sản bảo đảm: Căn cứ vào Hợp đồng thế chấp tài sản hình thành trong tương lai số 0190/HĐTC-TSTL/TCB; số công chứng 000311, quyển số 01 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 10/01/2012 được công chứng tại Văn phòng công chứng Chợ Lớn, Thành phố Hồ Chí Minh và đã được đăng ký giao dịch bảo đảm tại Trung tâm đăng ký giao dịch, tài sản tại Đà Nẵng ngày 11/01/2012 là phù hợp với quy định của pháp luật về tài sản thế chấp nên được công nhận. Trường hợp bị đơn không thực hiện nghĩa vụ thanh toán hoặc thực hiện nghĩa vụ thanh toán không đầy đủ, thì căn cứ vào Điều 355 của Bộ luật dân sự năm 2005 nguyên đơn có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp là quyền tài sản phát sinh từ Hợp đồng mua bán căn hộ hình thành trong tương lai đối với căn hộ số A02, Block A, tầng 02 thuộc dự án Cao ốc Xanh, đường Nam Hòa, P. Phước Long A, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh để thu hồi nợ. Khi phát mãi tài sản buộc ông D, bà X phải bàn giao căn hộ cho Cơ quan Thi hành án có thẩm quyền.

[3] Án phí và chi phí tố tụng:

3.1 Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định tại Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án là 19.592.162 đồng. Nguyên đơn không phải chịu án phí sơ thẩm nên được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

3.2 Về chi phí tố tụng:

Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Nguyên đơn tự nguyện chịu và đã nộp đủ chi phí.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

[5] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 147, 227, 228, 271, 273 và Điều 278 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;
- Căn cứ các điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;
- Căn cứ các điều 290, 342, 355, 471, 474 Bộ luật Dân sự năm 2005;
- Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi bổ sung năm 2014);
- Căn cứ Luật án phí, lệ phí năm 2015;
- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn:

Buộc bị đơn là ông Trần Tiến D, bà Nguyễn Thị X có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng TMCP K tổng số tiền nợ theo Hợp đồng tín dụng trung, dài hạn số 0190/HĐTD/TH-TN/TCB-LTR ngày 30/12/2011 và khế ước nhận nợ số 0190 ngày 12/01/2012 là 391.843.236 đồng (ba trăm chín mươi một triệu, tám trăm bốn mươi ba nghìn, hai trăm ba mươi sáu đồng), trong đó bao gồm nợ gốc 153.843.560 đồng (một trăm năm mươi ba triệu, tám trăm bốn mươi ba nghìn, năm trăm sáu mươi đồng), nợ lãi 237.999.676 đồng (hai trăm ba mươi bảy triệu, chín trăm chín mươi chín nghìn, sáu trăm bảy mươi sáu đồng).

Thời hạn thanh toán: Ngay sau khi bản án sơ thẩm có hiệu lực pháp luật.

Sau khi ông Trần Tiến D, bà Nguyễn Thị X thanh toán xong nợ, Ngân hàng TMCP K có nghĩa vụ trả lại cho ông D, bà X toàn bộ bản chính: Hợp đồng mua bán căn hộ hình thành trong tương lai số HĐ 571/CIC8-HĐMBCH-COX ngày 26/10/2011 ký giữa Công ty cổ phần Đ và ông Trần Tiến D theo Hợp đồng thế chấp tài sản hình thành trong tương lai số 0190/HĐTC-TSTL/TCB ngày 10/01/2012.

Trường hợp ông D, bà X không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ thanh toán thì Ngân hàng TMCP K có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp là quyền tài sản phát sinh từ Hợp đồng mua bán căn hộ hình thành trong tương lai đối với căn hộ số A02, Block A, tầng 02 thuộc dự án Cao ốc Xanh, đường Nam Hòa, P. Phước Long A, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh để thu hồi nợ.

Khi phát mãi tài sản thế chấp ông Trần Tiến D, bà Nguyễn Thị X phải bàn giao căn hộ nêu trên cho Cơ quan Thi hành án có thẩm quyền thực hiện việc thi hành bản án.

2. Án phí và chi phí tố tụng:

2.1 Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Trần Tiến D, bà Nguyễn Thị X phải chịu án phí là 19.592.162 đồng (mười chín triệu, năm trăm chín mươi hai nghìn, một trăm sáu mươi hai đồng).

Hoàn lại số tiền tạm ứng án phí 7.621.644 đồng (bảy triệu, sáu trăm hai mươi một nghìn, sáu trăm bốn mươi bốn đồng) cho Ngân hàng TMCP K theo

biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2018/0000764 ngày 28 tháng 5 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự quận Gò Vấp.

2.2 Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Nguyên đơn tự nguyện chịu và đã nộp đủ chi phí.

Thi hành tại Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

3. Về nghĩa vụ thi hành án:

3.1 Kể từ ngày 29/6/2022 bị đơn còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thoả thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thoả thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Toà án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

3.2 Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo:

Đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại địa phương.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND Q.GV;
- Chi cục THADS Q.GV;
- Các đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(đã ký)

Nguyễn Trần Thúy Duyên